TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:148/2024/DS-PT
Ngày 18/7/2024
V/v:tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà
Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/7/2024 và ngày 18/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLPT- DS, ngày 16 tháng 5 năm 2024,về " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST, ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2024/QĐ - PT, ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa:

1.Nguyên đơn: bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.Bị đơn: -Ông Khưu Minh H1, sinh năm 1973 (có mặt)
-Bà Phan Thị X, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Ngô Trung H2, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người kháng cáo: bà Huỳnh Ngọc H là nguyên đơn, ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2023 và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc H trình bày:

Bà H và ông Khưu Minh H1 quen biết nhau, trong năm 2019 bà H có cho ông H1 vay tiền, cụ thể như sau:

-Ngày 12/7/2019 số tiền 100.000.000 đồng

-Ngày 18/7/2019 số tiền 250.000.000 đồng

-Ngày 02/10/2019 số tiền 270.000.000 đồng

-Ngày 07/10/2019 số tiền 950.000.000 đồng.

-Ngày 17/10/2019 số tiền 810.000.000 đồng

Tổng cộng 05 lần bà H cho ông H1 vay tiền gốc là 2.380.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng/triệu, các lần vay trên ông H1 có viết biên nhận, bà H giao tiền mặt cho ông H1. Mục đích ông H1 vay để cho người khác vay lại đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay ông H1 có đóng lãi cho bà H bằng cách chuyển khoản, cụ thể như sau:

Ngày 05/5/2020 chuyển khoản 2.650.000 đồng

Ngày 03/6/2020 chuyển khoản 2.400.000 đồng

Ngày 04/12/2020 chuyển khoản 2.200.000 đồng

Ngày 30/12/2020 chuyển khoản 2.600.000 đồng

Ngày 01/02/2021 chuyển khoản 2.700.000 đồng

Ngày 29/4/2021 chuyển khoản 2.700.000 đồng

Ngày 24/05/2021 chuyển khoản 2.700.000 đồng

Ngày 28/6/2021 chuyển khoản 2.700.000 đồng

Ngày 29/7/2021chuyển khoản 2.750.000 đồng

Ngày 06/10/2021chuyển khoản 2.700.000 đồng

Ngày 03/11/2021chuyển khoản 3.500.000 đồng

Ngày 28/12/2021chuyển khoản 3.500.000 đồng

Ngày 04/3/2022 chuyển khoản 3.000.000 đồng

Ngày 01/4/2022 chuyển khoản 3.500.000 đồng

Ngày 12/5/2022 chuyển khoản 4.000.000 đồng

Ngày 21/6/2022 chuyển khoản 3.500.000 đồng

Ngày 18/7/2022 chuyển khoản 3.000.000 đồng

Ngày 03/3/2023 chuyển khoản 4.900.000 đồng

Tổng cộng là 91.000.000 đồng.

Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H yêu cầu ông H1 phải trả tiền gốc 2.380.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày viết biên nhận đến tháng 01/2024, được tính như sau:

100.000.000 đồng x 53 tháng x 1%/tháng = 53.000.000 đồng

250.000.000 đồng x 53 tháng x 1%/tháng = 132.500.000 đồng

270.000.000 đồng x 51 tháng x 1%tháng = 137.700.000 đồng

950.000.000 đồng x 51 tháng x 1%/tháng = 484.500.000 đồng

810.000.000 đồng x 51 tháng x 1%/tháng = 405.000.000 đồng

Tổng cộng tiền lãi của 05 biên nhận là 1.212.700.000 đồng trừ đi số tiền lãi ông H1 đã đóng 91.000.000 đồng, còn lại 1.121.700.000 đồng. Do vợ chồng ông H1 và bà X cùng vay tiền nên bà H yêu cầu vợ chồng ông H1 phải có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi 3.501.700.000 và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

-Bị đơn ông Khưu Minh H1 trình bày:

Ông H1 thừa nhận có vay của bà Huỳnh Ngọc H số tiền 2.380.000.000 đồng theo các biên nhận mà bà H cung cấp cho Tòa án, các biên nhận này ông ký tại nhà bà H, nhưng tiền thì nhận trực tiếp từ anh H2 làm ở Ngân hàng. Nguồn tiền bà H cho ông vay do bà H vay từ anh H2, giữa bà H và anh H2 có viết biên nhận nợ hay không thì ông không biết. Khi trả tiền cho bà H thì ông trả vào số tài khoản của anh H2. Khi trả xong ông có báo cho bà H và yêu cầu bà H xé biên nhận, do tin tưởng nên ông không lấy lại biên nhận gốc từ bà H.

Trong các biên nhận nợ nêu trên, ông đã trả cho bà H biên nhận ngày 12/7/2019 là 100.000.000 đồng, ngày 02/10/2019 là 270.000.000 đồng và biên nhận ngày 17/10/2019 số tiền 810.000.000 đồng, tổng cộng đã trả được 1.180.000.000đ, đối với 03 biên nhận này ông trả vào 03 lần theo số tiền của từng biên nhận. Lý do trả xen kẻ là do khi vay của bà H thì ông cho người khác vay để đáo hạn Ngân hàng, khi người nào trả cho ông trước thì ông trả lại cho bà H, còn khoản nào chưa trả thì ông nợ lại.

Nay ông H1 chỉ đồng ý trả bà H theo 02 biên nhận ngày 18/7/2019 số tiền 250.000.000 đồng và biên nhận ngày 07/10/2019 số tiền 950.000.000 đồng, tổng cộng đồng ý trả gốc là 1.200.000.000đ, yêu cầu bà H bỏ phần tiền lãi, vì không còn khả năng đóng lãi. Đối với số tiền 91.000.000 đồng là tiền bà H yêu cầu ông nộp vào tài khoản của bà H là trả tiền lãi.

-Bị đơn bà Phan Thị X trình bày:

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Ngọc H, vì các biên nhận bà H khởi kiện bà không biết và không có nhận tiền từ bà H. Bà không tham gia vào việc giải quyết vụ án và xin vắng mặt cho đến khi vụ án được giải quyết bằng quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc H;

Buộc bị đơn Khưu Minh H1, Phan Thị X có nghĩa vụ trả bà Huỳnh Ngọc H số tiền gốc 2.262.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi 442.720.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai chục ngàn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 2.704.720.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm lẽ bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Ngọc H về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 638.280.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 78/2024/QĐBPKCTT, ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với tài sản của ông Khưu Minh H1, bà Phan Thị X là thửa đất số 39 tờ bản đồ số 2 diện tích 6961,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của anh Khưu Minh H1 và chị Phan Thị X đối với khoản nợ của bà Huỳnh Ngọc H.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc H tiền buộc thực hiện biện pháp bảo đảm là 655.212.000 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm mười hai ngàn đồng) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 76/2024/QĐ-BPBĐ ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ và giấy thông báo về phong tỏa/đóng tài khoản thanh toán ngày 07/3/2024 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định bà Huỳnh Ngọc H, ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X có đơn kháng cáo.

Bà H kháng cáo yêu cầu ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X trả tiền lãi 639.000.000đ của các biên nhận ngày 12/7/2019, ngày 02/10/2019 và ngày 17/10/2019.

Ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X kháng cáo yêu cầu xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ ý kiến phản bác của các đương sự vào ngày 27/3/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới.

Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc H vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo;

Bị đơn ông Khưu Minh H1 xác định phạm vi kháng cáo là không đồng ý trả tiền cho bà H theo 03 biên nhận: ngày 12/7/2019 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 02/10/2019 số tiền 270.000.000 đồng và ngày 17/10/2019 số tiền 810.000.000 đồng. Không đồng ý trả tiền lãi 639.000.000đ theo kháng cáo của bà H, yêu cầu áp dụng thời hiệu giống như án sơ thẩm.

Bà Phan Thị X vắng mặt.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị X;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Khưu Minh H1;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc H.

Sửa án sơ thẩm.

Buộc ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Ngọc H tổng số tiền 3.343.700.000đ, trong đó tiền gốc 2.262.000.000đ, tiền lãi 1.081.700.000đ.

Về án phí sơ thẩm: ông H1 và bà X phải chịu án phí 57.437.000đ

Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Bà Phan Thị X có kháng cáo, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà X vắng mặt không có lý do xem như bà X từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị X.

Về nội dung:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Khưu Minh H1, xét thấy:

Bà Huỳnh Ngọc H có cho ông Khưu Minh H1 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền gốc là 2.380.000.000 đồng, tất cả các lần vay đều có biên nhận nợ, cụ thể như sau:

-Ngày 12/7/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng

-Ngày 18/7/2019 vay số tiền 250.000.000 đồng

-Ngày 02/10/2019 vay số tiền 270.000.000 đồng

-Ngày 07/10/2019 vay số tiền 950.000.000 đồng.

-Ngày 17/10/2019 vay số tiền 810.000.000 đồng

Tổng cộng tiền gốc: 2.380.000.000đ

Ông H1 thừa nhận có vay của bà H số tiền gốc 2.380.000.000đ theo 05 biên nhận nêu trên và chữ ký tại các biên nhận nợ do bà H cung cấp là của ông H1. Tuy nhiên ông H1 trình bày trong 05 biên nhận nợ nêu trên, ông đã trả được 03 biên nhận gồm: ngày 12/7/2019 là 100.000.000 đồng, ngày 02/10/2019 là 270.000.000 đồng và ngày 17/10/2019 số tiền 810.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả cho bà H là 1.180.000.000đ và ông H1 đến ngân hàng nộp tiền mặt trả vào tài khoản của anh Ngô Trung H2, do tin tưởng bà H nên ông H1 không lấy lại biên nhận nợ từ bà H. Ngoài lời trình bày thì ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả nợ, bà H và anh H2 không thừa nhận ông H1 có trả nợ như ông H1 trình bày.

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2024, anh Ngô Trung H2 trình bày: cách đây khoảng hai đến ba năm anh không nhớ rõ thời gian, anh có cho ông Khưu Minh H1 vay nhiều lần tiền, không nhớ rõ mấy lần, số tiền bao nhiêu cũng không nhớ, khi vay tiền ông H1 có viết biên nhận và anh giao tiền mặt cho ông H1, thời gian khoảng hai ngày đến một tuần lễ là ông H1 trả tiền. Khi trả tiền ông H1 trả bằng tiền mặt cho anh nhận trực tiếp, không có việc ông H1 chuyển tiền vào tài khoản của anh, khi trả tiền xong anh giao lại biên nhận cho ông H1. Hiện nay ông H1 không còn thiếu nợ anh, đối với các biên nhận nợ bà H khởi kiện ông H1 không liên quan đến anh H2.

Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/7/2024, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ theo yêu cầu của ông H1 là sao kê tài khoản của anh Ngô Trung H tại Ngân hàng TMCP Đại chúng- chi nhánh Vĩnh Long (PVCOMBANK) thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2020. Kết quả trong khoảng thời gian trên không thể hiện ông H1 có trả tiền vào tài khoản của anh H2 các khoản tiền 100.000.00đ, 270.000.000đ và 810.000.000đ như ông H1 trình bày. Như vậy có căn cứ xác định ông H1, bà X còn nợ bà H số tiền theo 05 biên nhận nêu trên với tổng số tiền 2.380.000.000đ, ông H1 bà X có trả được 118.000.000đ, còn lại 2.262.000.000đ án sơ thẩm buộc các bị đơn trả nguyên đơn số tiền này là có căn cứ.

[4] Về lãi suất, mặc dù tại các biên nhận nợ không thể hiện lãi suất, nhưng các đương sự đều thừa nhận vay có lãi và các bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn từ khi vay cho đến năm 2023, do đó các bị đơn phải chịu lãi suất đối với số tiền vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Xét đơn kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc H yêu cầu ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X trả tiền lãi 639.000.000đ, xét thấy:

Theo các biên nhận vay tiền nêu trên thì giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng vay không có thời hạn, quá trình vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền gốc 118.000.000đ và đóng lãi cho nguyên đơn liên tục nhiều lần, từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2023 với tổng số tiền lãi là 131.000.000đ (91.000.000đ chuyển khoản + 15.000.000đ ngày 4/2/2020 và 25.000.000đ ngày 07/3/2020). Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 thừa nhận trả 131.000.000đ tiền lãi cho bà H, nhưng không xác định là trả lãi của biên nhận nào mà trả chung cho các biên nhận, ông H1 chuyển khoản trả lãi cho bà H lần sau cùng là ngày 03/3/2023. Như vậy hợp đồng vay được thực hiện liên tục từ năm 2019 đến đầu năm 2023 nên thời hiệu khởi kiện được tính từ năm 2023.

Tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *" Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền*

yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”.

Như vậy bà H khởi kiện ngày 10/11/2023 là đang còn trong thời hiệu khởi kiện nên buộc ông H1 và bà X phải chịu lãi suất đối với các biên nhận ngày 12/7/2019, ngày 02/10/2019 và ngày 17/10/2019 là có căn cứ. Án sơ thẩm áp dụng thời hiệu, không tính lãi suất đối với các biên nhận ngày 12/7/2019, ngày 02/10/2019 và ngày 17/10/2019 là chưa phù hợp với qui định của pháp luật.

[6] Về lãi suất, bà H cho ông H1 vay với mức lãi suất 6%/tháng là vượt mức qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng số tiền ông H1 đóng lãi hàng tháng thấp hơn mức lãi suất theo quy định pháp luật nên không thực hiện việc tính lại tiền lãi để khấu trừ.

Đối với tiền lãi 131.000.000đ mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn, các đương sự thống nhất trừ vào tiền lãi của biên nhận ngày 07/10/2019 nên được chấp nhận.

Do đó, bị đơn phải chịu lãi suất tính từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng. Cụ thể:

Số tiền 100.000.000 đồng, tính từ ngày 12/7/2019 đến ngày 08/4/2024 = 56 tháng 26 ngày x 1%/tháng x 100.000.000đ = 56.086.000đ.

Số tiền 132.000.000đ, tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 08/4/2024 = 46 tháng 27 ngày x 1%/tháng x 132.000.000đ = 61.908.000 đồng

Số tiền 270.000.000 đồng, tính từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/4/2024 = 54 tháng 06 ngày x 1%/tháng x 270.000.000đ = 146.340.000đ.

Số tiền 950.000.000đ, từ ngày 07/10/2019 đến ngày 08/4/2024 = 54 tháng x 1%/tháng x 950.000.000đ = 513.000.000đ – 131.000.000đ = 383.000.000đ

Số tiền 810.000.000đ, tính từ ngày 17/10/2019 đến ngày 08/4/2024 = 53 tháng 21 ngày x 1%/tháng x 810.000.000đ = 434.970.000đ.

Tổng cộng tiền lãi là 1.082.304.000đ – 442.720.00đ (án sơ thẩm đã chấp nhận), còn lại 639.584.000đ, nhưng bà H kháng cáo yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 639.000.000đ là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Khưu Minh H1, chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H1 là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông H1 và bà X phải chịu án phí 57.437.000đ (2.262.000.000đ tiền gốc + 1.081.700.000đ tiền lãi = 3.343.700.000đ)= (44.000.000đ + 1% phần vượt hơn 2.000.000.000đ).

-Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên ông H1, bà X và bà H không phải

chịu án phí.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị X;

Không chấp yêu cầu kháng cáo của ông Khưu Minh H1;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc H;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long về phần tiền lãi.

Căn cứ các Điều 288, 463,466,468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc H;

Buộc ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X có nghĩa vụ liên đới trả bà Huỳnh Ngọc H tiền gốc 2.262.000.000đ, tiền lãi 1.081.700.000đ, tổng cộng: 3.343.700.000đ (Ba tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X phải chịu 57.437.000đ (Năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3.Án phí dân sự phúc thẩm: bà H, ông H1 và bà X không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả ông Khưu Minh H1 và bà Phan Thị X số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001046 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4.Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-TAND huyện Long Hồ;
-CCTHADS huyện Long Hồ;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình